

Số: 114/KH-MNTL

Thanh Luông, ngày 8 tháng 9 năm 2025

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều Lệ trường mầm non;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, điều 25 đến điều 30;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống”;

Căn cứ văn bản Số: 1702/SGDĐT-KHTC, ngày 19 tháng 6 năm 2024. V/v hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/08/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn Số: 2615/KH-SGDĐT, ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026;

Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 và thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tổng số CBGV- NV: 29 đ/c.

Trong đó:

+ Ban giám hiệu: 02 đ/c

+ Nhân viên PV:

+ Giáo viên: 24 đ/c

+ Bảo vệ: 01 đ/c

+ Kế toán: 01

+ Cô nuôi: 3 đ/c

+ Y tế: 01

Tổng số học sinh: 308 cháu. Chia làm 12 nhóm lớp, trong đó có 04 nhóm trẻ: 89 cháu. 8 lớp mẫu giáo: 219 cháu. 100% số trẻ ăn bán trú tại trường.

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo từ Sở GD đến chính quyền địa phương, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của UBND xã Thanh Nua.

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất với một ngôi nhà 2 tầng với 6 phòng học và các lớp học bán kiên cố cùng các phòng chức năng đảm bảo có đầy đủ các trang thiết bị đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho học tập và vui chơi của trẻ, có bếp nấu ăn theo hệ thống bếp một chiều.

- 100% giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, đoàn kết, yêu nghề mến trẻ, có ý thức vươn lên tự học tự bồi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề vững vàng, năng động sáng tạo trong công việc. Biết tuyên truyền tới các bậc cha mẹ về tầm quan trọng của chương trình giáo dục mầm non mới từ đó trẻ đến lớp tăng cao.

- Phụ huynh học sinh đa số còn trẻ, có trình độ nhận thức về tầm quan trọng cấp học mầm non do vậy rất quan tâm đến điều kiện sinh hoạt học tập của con em mình, ủng hộ mọi phong trào của nhà trường. Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo.

12/12 nhóm lớp có phòng học sạch sẽ, nhà vệ sinh thuận lợi cho việc sinh hoạt.

100% nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT và điều chỉnh bổ sung theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- 100% giáo viên đã biết ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng phần mềm xây dựng bài giảng, soạn giáo án điện tử. 100% giáo viên ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Đời sống giáo viên ngày một ổn định tạo điều kiện giáo viên yên tâm công tác.

2. Khó khăn

- Một số giáo viên phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, chưa sáng tạo

- Trình độ tin học của một số giáo viên còn hạn chế, việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng các hoạt động học như soạn giảng giáo án điện tử, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng công nghệ AI chưa mạnh dạn áp dụng thường xuyên.

- Một số phụ huynh gia đình kinh tế khó khăn do vậy điều kiện chăm sóc con có những khó khăn nhất định. Nhận thức về kiến thức dinh dưỡng – sức khỏe trẻ còn ở mức độ hạn chế.

- Nhân viên nấu ăn hợp đồng theo năm học đôi khi chưa ổn định và còn hạn chế về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Kết quả

** Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ:*

- Số lượng trẻ được tổ chức ăn tại trường: 319/319 trẻ đạt 100%

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ
- Tổng số trẻ khỏe mạnh phát triển bình thường :

*** Về cân nặng**

- KBT: 313/319 cháu đạt 98,1%
- SDD thể nhẹ cân: 3/319 cháu còn 1,6%
- SDD thể nhẹ cân MĐ nặng: 0
- Béo phì: 1/319 chiếm 0,3 %

*** Về chiều cao:**

- KBT: 315/319 cháu đạt 98,7%
- SDD thể TC: 4/319 cháu còn 1,3%
- SDD thể TC MĐ nặng: 0

*** Cân nặng theo chiều cao/ chiều dài**

- KBT: 316/319 cháu đạt 99,1%
- Suy DD thể gầy còm nhẹ cân: 2/319 chiếm 0,6%
- Suy DD thể gầy còm MĐ nặng: 0
- Béo phì: 1/319 chiếm 0,3 %

*** *Chất lượng giáo dục:***

- Bé khỏe: 315/319 cháu đạt 98,7%
- Tổng số đạt bé ngoan: 319/319 cháu đạt 100%
- Tổng số đạt bé sạch: 319/319 cháu đạt 100%
- Tổng số đạt bé chăm: 319/319 cháu đạt 100%
- Tổng số Học sinh toàn trường: 319/319 trẻ

Tổng số học sinh được đánh giá chất lượng các lĩnh vực: 319/319 HS. Chất lượng giáo dục: đạt từ 97% trẻ đạt các mục tiêu giáo dục theo chương trình GDMN, tăng 1% so với năm học trước (96%).

- Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình và đạt được các lĩnh vực phát triển là 93/93 cháu và đạt yêu cầu theo mục tiêu cuối độ tuổi

***Kết quả các hội thi**

+ Chất lượng hội thi: Ươm mầm tài năng nhí cấp cụm. Tham gia 3/3 phần thi: Kết quả: Đạt 03 giải khuyến khích.

****Chất lượng đội ngũ giáo viên nhà trường:***

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là : 22/25 GV đạt 88%. Trong đó: GVDG Cấp Tỉnh: 3/25 đạt 12%; GVDG Cấp Huyện: 4/25 đạt 20% (Trong đó: 01 giáo viên được UBND huyện tặng giấy khen, 01 GV được hội KH huyện tặng Giấy khen), Cấp Trường: 15/25 đạt 60%

C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2025- 2026

I. NHIỆM VỤ CHUNG:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; quản trị trường học; có giải pháp phù hợp, kịp thời để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về GDMN trong bối cảnh sáp

nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 và triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ. Tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ.

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDMN, thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi vào các văn kiện, Nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương để triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN. Tham mưu đầu tư nguồn lực và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục để bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi tại địa phương.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; bố trí đủ số lượng GVMN theo định mức để thực hiện Chương trình GDMN.

5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em mầm non, quan tâm đến trẻ em là người dân tộc thiểu số (DTTS), trẻ em sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, đúng quy định.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em; tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình GDMN. Hoàn thành tốt các chỉ tiêu của năm học 2025 - 2026. Tăng cường lồng ghép, tích hợp đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nội dung giáo dục Phòng cháy chữa cháy; Quyền trẻ em, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu...vào quá trình thực hiện chương trình GDMN. Tổ chức chất lượng hiệu quả giáo dục Quyền con người trong triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; Ứng dụng công nghệ AI; chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và nuôi dưỡng trẻ. Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT theo đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông

tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

3. Xây dựng trường mầm non xanh, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CB-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu theo chuẩn nghề nghiệp, Luật giáo dục 2019 và đổi mới giáo dục, phát huy vai trò giáo viên cốt cán.

4. Triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” đẩy mạnh công tác truyền thông về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường. Thực hiện việc chỉ đạo về thực hiện tổ chức “*Tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ*” “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*”

5. Nâng cao hiệu lực hiệu quả trong quản lý nhà nước về GDMN; tăng cường xây dựng nề nếp, kỷ cương, chuẩn mực nhà giáo, văn hóa giao tiếp của CBGVNV trong nhà trường để xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh, an toàn. Mỗi CB-GVNV nhà trường quyết tâm thi đua hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu của năm học, phấn đấu đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc” Đề nghị UBND tỉnh Điện Biên khen, góp phần vào thành tích chung của ngành giáo dục tỉnh Điện Biên. Thực hiện tốt Chủ đề năm học 2025-2026 “**Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển**”

6. Xây dựng và thực hiện mô hình: “*Bữa ăn đủ dinh dưỡng trong trường mầm non*”, “*Vườn rau sạch cho bé*”... trên cơ sở huy động sự hỗ trợ, phối hợp của cha mẹ và cộng đồng.

III. CHỈ TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, giáo dục

1.1. *Chủ động tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách phát triển GDMN, bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN*

- Nhà trường triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3-5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN đến với CBGVNV trong nhà trường.

- Nhà trường tham mưu với các cấp các ngành đồng thời huy động nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển cho công tác chăm sóc giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương để làm tốt công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản liên quan đến công tác phát triển GDMN bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, hiệu quả; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN.

- Duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, bảo đảm các điều kiện thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi và thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về chính sách đối với trẻ em học sinh và chính sách đối với giáo viên. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về hoạt động quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Đồng thời tăng cường hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, rà soát, nắm thông tin về việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường bảo đảm đúng quy định, hiệu quả phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến quán triệt đến 100% đội ngũ CBQL, GV, NV các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, văn bản quản lý chỉ đạo của ngành, cập nhật các văn bản mới ban hành hoặc thay thế, lưu giữ đầy đủ, khoa học tại văn phòng trường. Những văn bản quy phạm pháp luật về GDMN còn được nhà trường cập nhật trên gmail chung và zalo của trường để CBGVNV tìm hiểu.

- Nâng cao hiệu quả phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Áp dụng một phần steam thi đua vào chủ đề, kế hoạch năm chỉ cần đưa phương pháp phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của trường lớp. Dạy học stem cho trẻ ngồi trên bàn trẻ tập trung hơn kết quả chính xác hơn rèn tính kỷ luật.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động cán bộ thực hiện nghiêm túc 2 bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nhà giáo. Cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”

- Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế công khai... các quy định về thu chi tài chính trong trường.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQLGV và NV nuôi dưỡng

2.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, huy động sự vào cuộc tích cực của các đoàn thể chính trị trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện công khai chất lượng giáo dục và thu chi tài chính theo quy định. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế công khai...

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý học sinh, quản lý cán bộ, nhân viên. Thúc đẩy chuyển đổi số trong việc quản lý hồ sơ. Thực hiện chi trả học phí và thực hiện các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Chính quyền xã, thôn bản, hội CMHS trong việc đảm bảo an ninh, an toàn trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy; giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, hàng quán bán rong trước cổng trường.

- CBGVNV thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn trường học; quán triệt; tuyên truyền, tập huấn để 100% CBGVNV nắm vững quy định về công tác phòng chống dịch và biết xử trí các trường hợp có biểu hiện ho, sốt, khó thở hoặc nghi ngờ mắc các bệnh trong trường học và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Thành lập ban chỉ đạo, tổ công tác phòng chống dịch, xây dựng kế hoạch phòng chống dịch, phương án khi trẻ đi học và khi trẻ nghỉ ở nhà. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban chỉ đạo, tổ công tác.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất khi có dịch bệnh xảy ra.

2.2 Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên:

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

- Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, giáo viên, nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung thống nhất trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026 của Sở GDĐT và của UBND xã.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, chống tiêu cực trong quản lý đặc biệt là trau dồi phẩm chất đạo đức, thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nhân viên, cán bộ thực hiện đúng các quy định của ngành, nâng cao ý thức trong việc giữ gìn đạo đức nhà giáo, thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, kỉ cương hành chính, phòng chống bạo hành trẻ.

- Tổ chức lớp học bồi dưỡng năng lực ứng xử văn hóa cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Xây dựng trường học hạnh phúc- học sinh hạnh phúc với 03 tiêu chí: Môi trường nhà trường, phát triển cá nhân, Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, Môi quan hệ trong và ngoài nhà trường.

- Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong năm học.

- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường mục tiêu phấn đấu

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là: 22/24 GV đạt 91,7%.
100% giáo viên xếp loại chuyên môn khá, giỏi.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

3.1 Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất tinh thần cho trẻ.

a) Chỉ tiêu

- 308/308 trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần

b) Nhiệm vụ, giải pháp

b. Biện pháp:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả thông tư số: 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non;

- + BGH thường xuyên kiểm tra, rà soát các phương tiện và đồ dùng, đồ chơi tránh các nguy cơ gây tai nạn thương tích cho trẻ. Tổ chức cho cán bộ quản lý, nhân viên Y tế của trường tham dự tập huấn phòng tránh tai nạn thương tích trong trường học, vệ sinh phòng dịch, bệnh theo mùa.

- Tăng cường tuyên truyền các biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe cho trẻ khi ở nhà, khi học ở trường. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể trẻ em. Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch đẹp, an toàn và thân thiện.

- Thực hiện vệ sinh trường lớp sạch sẽ. Phân công nhân viên – giáo viên giữ vệ sinh thường nhật, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài lớp học mọi lúc mọi nơi.

- BGH kiểm tra chặt chẽ quy chế nuôi dạy trẻ công tác quản lý trẻ tất cả các thời điểm theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; Duy trì nhật ký đón trả trẻ, có lịch phân công giáo viên quản lý trẻ mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt là quản lý trẻ trong các hoạt động đón, trả trẻ, chăm sóc bán trú, hoạt động ngoài lớp học và trẻ mới đi học.

- Hàng tháng/quý có lịch rà soát, bổ sung đầy đủ trang thiết bị cần thiết theo quy định của Luật phòng cháy chữa cháy. Xây dựng phương án PCCC và tổ chức tập huấn kỹ năng phòng tránh TNTT cho CBQL, GV, NV hàng năm. Đưa nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ trong các tình huống cho trẻ vào chương trình giáo dục của nhà trường.

- Phối hợp với công an xã làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông quanh khu vực trường học.

3.2. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng

a. Chỉ tiêu phần đầu:

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định về hồ sơ, quy trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng theo kiểm thực 3 bước.
- Quản lý tốt công tác thu chi hàng ngày
- Đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch
- Giao nhận thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai. Quản lý chặt chẽ thực phẩm của trẻ từ khâu giao nhận đến khi chế biến thành các món ăn và đưa khẩu phần của trẻ về các lớp.

- Đảm bảo khẩu phần ăn, xuất ăn của trẻ trong ngày, tổ chức “Tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ”

b. Biện pháp thực hiện

- Giao nhận thực phẩm hàng ngày đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, vào sổ số lượng chính xác, có đầy đủ các thành viên tham gia ký nhận.

- Công khai tài chính hàng ngày qua bảng tin nhà trường.

- Sử dụng tiền ăn của trẻ đúng mục đích.

- Theo dõi chia ăn của trẻ đủ lượng theo sổ xuất ăn

- Thường xuyên thay đổi thực đơn cho trẻ theo từng đợt trên mỗi học kỳ trong năm học, lựa chọn các loại thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng nhằm đảm bảo sức khỏe và phù hợp với sự hấp thu của trẻ.

- Hoàn thiện chứng từ tiền ăn của trẻ hàng ngày, thanh quyết toán tiền ăn của trẻ theo tuần. Cuối tháng phải quyết toán tiền ăn trong tháng.

- Lưu mẫu thức ăn thực hiện đúng quy trình lưu, thời gian, được bảo quản trong tủ lạnh theo quy định. Nghiêm túc thực hiện sổ kiểm thực 3 bước theo quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/ 03/ 2017.

- Các lớp báo ăn về tới nhà bếp thời gian trước 8h00 để cân đối tiền ăn, tuyệt đối không để tiền ăn của trẻ thiếu, thừa quá 03 xuất ăn trong ngày .

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ; công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em về bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường lớp học, nhà bếp. Bổ sung CSVC, cây xanh để tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp .

3.3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng trẻ

a) *Chỉ tiêu*

-100% trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm học.

Trẻ phát triển cân nặng, chiều cao theo lứa tuổi

* Trẻ 24 tháng

- Cân nặng BT: Trẻ trai 9,7- 15,3 kg. trẻ gái 9,1- 14,8 kg
- Chiều cao BT: Trẻ trai 81,7- 93,9 cm. trẻ gái 89,0 - 92,9 cm

* Trẻ 36 tháng

- Cân nặng BT Trẻ trai: 11,3- 18,3 kg; trẻ gái: 10,8- 18,1 kg
- Chiều cao BT trẻ trai: 88,7- 103,5cm; trẻ gái: 87,4- 102,7 cm

* Trẻ 48 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 12,7- 21,2kg; trẻ gái: 12,3-21,5kg
- Chiều cao trẻ trai: 94,9- 111,7cm; trẻ gái: 94,1 - 111,3cm

* Trẻ 60 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 14,1- 24,2kg; trẻ gái: 13,7-24,9kg
- Chiều cao trẻ trai: 100,7- 119,2cm; trẻ gái: 99,9- 111,3cm

* Trẻ 72 tháng

- Cân nặng của trẻ Trai: 15,9- 27,1kg; trẻ gái: 15,3-27,8kg
- Chiều cao trẻ trai: 106,1- 125,8cm; trẻ gái: 104,9- 125,4cm

- Phần đầu có ít nhất 97% trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng và phát triển cân đối về chiều dài/chiều cao theo độ tuổi và phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân. Năm học 2025-2026, phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 4,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 5,6% và giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong nhà trường theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 1% -> 1,5% so với năm học trước.

Cụ thể:

* Học sinh Nhà trẻ: 89 trẻ

+ Cân nặng: KBT: 87/89 đạt 97,7%; SDD thể nhẹ cân: 2/88 còn 2,3%

+ Chiều cao: KBT: 87/89 đạt 97,7%; SDD thể TC: 2/88 còn 2,3%

+ ***Cân nặng theo chiều dài/chiều cao***

KBT: 88/89 đạt 98,9%, SDD thể gầy còm nhẹ cân: 1/89 còn 1,1% .Thừa cân: 0

* Học sinh mẫu giáo:

` Tổng số học sinh: 219cháu

+ Cân nặng: BT: 216/219 đạt 98,6%; SDD thể nhẹ cân: 3/219 còn 1,4 %

+ Chiều cao: BT: 216/219 đạt 98,6%; SDD thể TC: 3/219 còn 1,4 %

+ ***Cân nặng theo chiều dài/chiều cao***

KBT: 217/219 đạt 99,1%, SDD thể gầy còm nhẹ cân: 2/220 chiếm 0,9%
Thừa cân: 0

- Thừa cân, béo phì: 0

b) **Nhiệm vụ, giải pháp**

- Quản lý tốt việc tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ tại trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng bữa ăn.

- Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng đảm bảo dinh dưỡng khoa học đủ số và lượng phù hợp với thực tế địa phương đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định chương trình GDMN.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng tại nhà bếp về chế độ ăn, cách sơ chế, chia ăn, đồ dùng, đồ chơi ở các lớp, vệ sinh môi trường ...

- GV Tổ chức cho trẻ ăn theo đúng thực đơn theo mùa, đảm bảo chế độ khẩu phần ăn của trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, thường xuyên thay đổi món ăn, quản lý tốt bữa ăn cho trẻ..

- Mua bán thực phẩm xác định rõ nguồn gốc và có Hợp đồng mua thực phẩm có cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cho trẻ ăn đúng thực đơn. Đảm bảo khẩu phần ăn.

- Công khai kết quả phát triển cân nặng, chiều cao, sức khỏe của trẻ, công khai chế độ ăn, thực đơn hàng ngày trên bảng thông báo. Quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của trẻ đảm bảo tính khoa học.

- Tổ chức cho nhân viên làm công tác nuôi dưỡng đi khám sức khỏe định kỳ và Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, cô nuôi.

- Kiểm tra chế độ ăn thường xuyên và cách sơ chế thực phẩm đúng nguyên tắc, lưu mẫu thực phẩm bằng tủ lạnh đảm bảo 24/24h.

- Tuyên truyền tới các phụ huynh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ được nuôi ăn sử dụng đúng mục đích có hiệu quả tiền hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ. Phổ biến cho các bậc phụ huynh về cách nuôi con theo khoa học và biết cách tổ chức tốt bữa ăn ở nhà đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ. Phối kết hợp với phụ huynh học sinh phòng bệnh cho trẻ trong thời điểm giao mùa thông qua giờ đón và trả trẻ.

- Lồng ghép nội dung giáo dục vệ sinh cá nhân, lao động tự phục vụ và vệ sinh nơi công cộng, phòng chống dịch bệnh phù hợp với độ tuổi vào chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ như: Thói quen rửa tay trước và sau khi ăn, khi đi vệ sinh, trong khi ăn không nói chuyện, khi ăn không làm vãi cơm, vệ sinh trường lớp đồ dùng, đồ chơi ở các lớp, vệ sinh môi trường ...

- Phối kết hợp với trạm y tế xã thực hiện Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm. Tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, báo cáo kịp thời với cơ quan cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra.

- Phối kết hợp chặt chẽ trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ với các bậc phụ huynh đặc biệt là đối với những trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi và nhẹ cân.

- Chăm sóc sức khỏe học sinh và CBGVNV khi vào năm học và học sinh đi học tại trường

- 100% trẻ được cân đo và khám sức khỏe, đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc trong tủ thuốc y tế của trường. Công tác y tế học đường mở đủ sổ sách và duy trì đều tay.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc giấc ngủ cho trẻ:

Phân công giáo viên trực trưa có sổ theo dõi ca trực. Đảm bảo cho trẻ ngủ đủ giờ, đúng giấc, an toàn hợp vệ sinh.

- Các lớp duy trì hồ sơ phòng chống dịch, sổ nhật ký đón trả trẻ ghi rõ tình hình học sinh trong ngày, ghi rõ tình hình của lớp, không nhận trẻ ốm....

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh bằng các nội dung, hình thức phong phú qua trang thông tin điện tử, góc tuyên truyền, trao đổi phụ huynh hàng tháng....

- Giáo viên trên lớp thực hiện nghiêm túc chế độ chăm sóc sức khỏe và vệ sinh cho trẻ theo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ. Duy trì thực hiện lịch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng theo lịch.

***Công tác nuôi dưỡng:**

- Ban giám hiệu ký cam kết hợp đồng với các chủ hàng có tư cách pháp nhân, đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Chỉ đạo bếp ăn thực hiện đúng quy trình bếp ăn 1 chiều, lưu mẫu thức ăn hàng ngày đúng theo quy định. Xây dựng thực đơn phong phú, đưa nhiều loại thực phẩm vào bữa ăn hàng ngày cho trẻ. Cần kết hợp nhiều loại thực phẩm từ các nguồn đảm bảo chất dinh dưỡng. Tăng cường rau xanh cho trẻ trong các bữa ăn. Yêu cầu tối thiểu: Bữa chính nên đáp ứng các tiêu chuẩn bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và bữa phụ đảm bảo đủ lượng và chất. Xây dựng thực đơn phù hợp, cân đối.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư trang thiết bị đồ dùng chăm sóc nuôi dưỡng.

- Phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ bếp, văn phòng, y tế có liên quan đến việc chăm sóc trẻ.

- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ, thường xuyên vệ sinh môi trường hoạt động cho trẻ thoáng mát, sạch sẽ, an toàn ở mọi lúc mọi nơi.

- Chỉ đạo tổ bếp luôn cải tiến chế biến các món ăn giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 1% -> 1,5% so với năm học trước. Năm học 2025-2026, phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 4,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 5,6% và giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong nhà trường theo quy định.

- Tham gia và tổ chức tập huấn tới 100% cô nuôi nội dung thông nhất chuyên môn nuôi dưỡng năm học 2025 -2026 do các cấp tổ chức về kiến thức VSATTP; Làm tốt công tác xây dựng thực đơn đảm bảo đủ dinh dưỡng cho trẻ.

- Đẩy mạnh công nghệ thông tin, truyền thông về hoạt động giáo dục dinh dưỡng, kỹ năng thực hành cuộc sống lên cổng thông tin điện tử của nhà trường, nhóm lớp.

3.4. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

a) Chỉ tiêu

- Thực hiện tốt 10 nguyên tắc vàng về VSATTP

- Thường xuyên kiểm tra việc giao nhận thực phẩm, chất lượng thực phẩm, khâu chế biến, vệ sinh dụng cụ nấu, chia ăn đảm bảo vệ sinh và phòng chống ngộ độc cho trẻ.

- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ, thường xuyên vệ sinh môi trường hoạt động cho trẻ thoáng mát, sạch sẽ, an toàn ở mọi lúc mọi nơi.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và tai nạn thương tích trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc phòng chống dịch bệnh theo mùa và các bệnh thường xảy ra, đảm bảo vệ sinh cho trẻ.

- Chỉ đạo tổ bếp luôn cải tiến chế biến các món ăn giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất, đảm bảo đủ lượng, đủ chất.

- 100% GV – NV nuôi dưỡng được tham gia bồi dưỡng kiến thức về VSATTP hàng năm.

b)Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc các công văn chỉ đạo, hướng dẫn: Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12(Từ điều 25 đến điều 30); Quyết định 1246/BYT năm 2017 hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống;

Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong nhà trường theo Công văn số 988/BGDĐT-GDTC ngày 13/3/2023 của Bộ GDĐT về tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; Công văn số 433/SGDĐT-GDTrH ngày 28/02/2023 của Sở GDĐT về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; Công văn số 518/SGDĐT-KHTC ngày 09/3/2023 của Sở GDĐT về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong trường học; Công văn số 562/SGDĐT-GDTrH ngày 14/3/2023 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện Kế hoạch số 753/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh về đảm bảo an toàn thực phẩm nâng cao chất lượng nông lâm, thủy sản năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Kiên quyết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường học; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương trong việc giáo dục, hướng dẫn trẻ em; học sinh thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm và các khâu chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong nhà trường.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc việc ký kết hợp đồng với đơn vị cung ứng thực phẩm an toàn. Từ đầu năm học, nhà trường đã ký hợp đồng với Bà: Hà Thị Loan Thôn Thanh Bình B, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên và Ông Nguyễn Văn Tuấn số nhà 19, tổ 14, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là 02 đơn vị cung ứng thực phẩm có đầy đủ hồ sơ theo quy định để đảm bảo nguồn gốc thực phẩm sạch. Thực hiện nghiêm về giao nhận thực phẩm.

- Hội đồng QLGD, Ban Thanh Tra nhân dân tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em về bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm. Nguồn gốc, giá cả thực phẩm của các nhà cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng VSATTP theo lịch và đột xuất.

- Duy trì bếp ăn bán trú đủ điều kiện theo Điều lệ trường MN đã được ký cam kết bếp ăn đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo an toàn, vệ sinh, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng.

3.5. Đảm bảo chất lượng bữa ăn:

a) Chỉ tiêu:

- 100% trẻ sử dụng cốc, bát thìa bằng Inox.
- 100% các lớp có đủ quạt cho trẻ
- 100% lớp có bình đựng nước, giá khăn, tủ úp cốc của trẻ.
- Giao nhận và chế biến thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc
- Bếp có đủ đồ dùng dụng cụ phục vụ chế biến sòng, chín riêng biệt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN.

+ Nâng cao chất lượng bữa ăn đảm bảo tỷ lệ dinh dưỡng cho trẻ với mức ăn 20.000đ/ ngày/ trẻ cho 2 bữa chính, 1 bữa phụ đối với Nhà trẻ, *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày (năng lượng calo đạt 600-651 kcalo/ngày/trẻ) Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. Đối với Mẫu giáo 01 bữa chính và 1 bữa phụ. *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. (Năng lượng calo đạt 615-726 kcalo/ngày/trẻ).

Chú trọng chế biến, phối hợp món ăn hợp lý. bữa chính đáp ứng tiêu chuẩn sau: Có đủ 4 nhóm thực phẩm Đạm, Béo, Bột, Vitamin và khoáng chất hoặc có ít nhất 8 nhóm thực phẩm theo phân loại của tổ chức Y tế thế giới (nhóm 8 là nhóm bắt buộc gồm dầu ăn, mỡ các loại)

- Chỉ đạo giáo viên tạo bầu không khí vui vẻ trong giờ ăn, động viên trẻ ăn hết xuất. Chú ý trẻ SDD (thiếu cân) cho trẻ ngồi bàn trên. Giáo viên kết hợp với phụ huynh điều chỉnh thực đơn ăn với trẻ béo phì, vượt kênh so với độ tuổi khi ở nhà.

- Đảm bảo nước uống cho trẻ, vệ sinh và phù hợp với thời tiết. Sử dụng có nước nóng đảm bảo nhiệt độ nước an toàn cho trẻ. Xét nghiệm mẫu nước định kì theo quy định tại Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ y tế.

3.6. Thực hiện nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng:**a) Chỉ tiêu:**

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định về hồ sơ, quy trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng.
- Quản lý tốt công tác thu chi hàng ngày
- Đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch
- Giao nhận thực phẩm đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai. Quản lý chặt chẽ thực phẩm của trẻ từ khâu giao nhận đến khi chế biến thành các món ăn và đưa khẩu phần của trẻ về các lớp.
- Đảm bảo khẩu phần ăn, xuất ăn của trẻ trong ngày.

- Thực đơn xây dựng theo từng đợt trong năm học tối thiểu 02 đợt/học kỳ. Thực đơn ăn hàng ngày của trẻ được công khai, phê duyệt của Hiệu trưởng. Thực đơn được xây dựng đảm bảo cân đối tỷ lệ các chất dinh dưỡng.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện đúng qui định về hồ sơ, qui trình, nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nghiêm cấm vi phạm khẩu phần ăn của trẻ dưới mọi hình thức, công khai các khoản thu, thanh toán, thực đơn, thực phẩm, đơn giá hàng ngày.

- Cập nhật đầy đủ chứng từ hàng ngày theo thực tế giao nhận thực phẩm. Thanh quyết toán tiền ăn của trẻ có thể theo tuần hoặc theo tháng. Cuối tháng quyết toán tiền ăn trong tháng.

- Quản lý kho: Thủ kho chịu trách nhiệm quản lý thực phẩm trong kho, có sổ theo dõi xuất, nhập kho, cuối tháng kiểm kê. Nhập lương thực, thực phẩm dự trữ trong kho phải phù hợp với thời gian bảo quản để đảm bảo chất lượng thực phẩm. Xuất thực phẩm kho phải có phiếu xuất kho có ký duyệt của BGH, kế toán.

- Chế biến thực phẩm và chia ăn: Chế biến đúng thực đơn, đủ định lượng xuất ăn hàng ngày của trẻ. Không để thừa, thiếu quá 03 suất ăn/ ngày/ cơ sở GDMN. Thực phẩm tươi sống giao nhận thừa so với định mức trong ngày trả lại nơi cung ứng, tuyệt đối không để lưu tại trường. Định lượng thức ăn chín của từng nhóm, lớp ghi rõ số lượng lên bảng và sổ chia thức ăn chín, có ký giao nhận với giáo viên từng lớp.

- Thực hiện lưu mẫu thức ăn của học sinh: quy trình lưu, thời gian lưu mẫu tối thiểu đủ 24h và chế độ bảo quản trong tủ lạnh theo đúng quy định.

3.7. Đẩy mạnh truyền thông trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng

a) Chỉ tiêu:

- 100% các lớp có góc tuyên truyền về dinh dưỡng và ATTP, cách phòng chống, xử lý một số bệnh thông thường.

- 100% các lớp tổ chức họp phụ huynh 3 lần trong năm học để tuyên truyền về công tác CSGD trẻ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Thành lập Ban truyền thông của nhà trường, xây dựng kế hoạch cụ thể hàng tháng, tạo chuyên mục truyền thông trong năm học với chủ đề năm học **“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”**.

Xây dựng biểu bảng tuyên truyền, công khai tài chính, nguồn gốc thực phẩm trong nhà trường để PH dễ quan sát và đóng góp ý kiến xây dựng cho nhà trường.

- Thực đơn xây dựng theo từng đợt trong năm học tối thiểu 02 đợt/học kỳ. Thực đơn ăn hàng ngày của trẻ được công khai trên các kênh truyền thông của nhà trường và được phê duyệt.

+ Chia sẻ phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học, nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ, đội ngũ và cộng đồng về phát hiện sớm, can thiệp sớm cho trẻ, quan tâm hòa nhập trẻ khuyết tật thông qua họp PH, trao đổi hàng ngày giờ đón trả, trẻ, qua zalo...

+ Thông qua các hoạt động lễ hội, hoạt động trải nghiệm: Lễ hội mùa xuân, ngày hội thể dục thể thao, Các hội thi... nhằm tuyên truyền và kết nối PH tham gia đồng hành với nhà trường trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

4. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

4.1. Chỉ tiêu

** Chất lượng các lĩnh vực giáo dục:*

Tổng số học sinh toàn trường: 308.

Trong đó:

** Học sinh nhà trẻ: 89 cháu*

- 100% trẻ được đánh giá trẻ tròn tháng đảm bảo theo yêu cầu các chỉ số theo từng tháng tuổi (24, 36 tháng)

** Học sinh mẫu giáo: Tổng số: 219 cháu*

- Số trẻ được đánh giá: 219

- Phần đầu Trẻ đạt được các mục tiêu trong các chủ đề như sau:

+ Số mục tiêu từ 70 % trẻ đạt trở lên: 219 cháu

+ Số mục tiêu dưới 70 % trẻ đạt: 0 cháu

- 100% trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm do nhà trường tổ chức như trải nghiệm: “Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11” “Chúng tôi là chiến sĩ” nhân ngày thành lập QĐND Việt Nam; “ Tết và mùa xuân” “Tuần lễ Dinh dưỡng” Thăm quan các di tích lịch sử, thăm quan trường Tiểu học...

- Tổ chức cho trẻ tham gia hội thi “Bé khỏe, bé ngoan” cấp trường

100 % trẻ có nề nếp, ngoan ngoãn, nhanh nhẹn, hứng thú tham gia vào các hoạt động hàng ngày của trẻ tại trường mầm non.

100 % trẻ có nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, có kỹ năng giao tiếp ứng xử, lễ phép với mọi người.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện nghiêm túc chương trình chăm sóc giáo dục trẻ và chế độ sinh hoạt trong một ngày của trẻ trong trường mầm non.

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc đổi mới hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, đa dạng các hình thức và PPCSGD trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của lớp và khả năng của trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ và thực hiện một phần phương pháp giáo dục STEM/STEAM.

Trú trọng đổi mới, tổ chức môi trường giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ tích cực, khám phá trải nghiệm và sáng tạo qua các hoạt động học hàng ngày cụ thể hàng ngày qua các khu vực như chơi với cát nước, khu chợ quê, thư viện thân thiện, khu giáo dục phát triển vận động theo kế hoạch để trẻ được khám phá, trải nghiệm.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục chuyên đề Phát triển vận động; tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc; giáo dục tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tăng cường lồng ghép, tích hợp đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nội dung Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ; triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS, tăng cường nghe, nói tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, giáo dục trẻ tại phòng thư viện nhà trường.

Lựa chọn một số kỹ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số theo Chương trình giáo dục mầm non với sự hỗ trợ của Bộ công cụ ELM. Triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị, tổ chức hoạt động chuyên môn; phát triển kho học liệu số dùng chung nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

Xây dựng cộng đồng học tập trong cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo an toàn và phòng chống bạo hành trẻ

- Soạn bài đầy đủ có chất lượng, thực hiện nghiêm túc hoạt động 1 ngày của trẻ ở trường. Sử dụng hiệu quả đồ dùng hiện có, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi và trang trí nhóm lớp nổi bật chủ đề, chủ điểm.

- Không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực của đội ngũ, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Chú trọng giáo dục phát triển hành vi, thói quen tốt cho trẻ; giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội phù hợp với lứa tuổi.

- Tăng cường rèn kỹ năng sống và dạy Tăng cường tiếng việt cho trẻ thông qua việc trao đổi trò chuyện với trẻ, trong giờ học và trong các hoạt động vui chơi, hoạt động hàng ngày trên lớp, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để dạy tiếng việt cho trẻ ở nhà.

- Tổ chức đánh giá trẻ hằng ngày, cuối chủ đề, đánh giá trẻ tròn tháng phân loại học sinh yếu ở các lĩnh vực, có kế hoạch bồi dưỡng cho học sinh tham gia hội thi. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh đặc biệt chú ý đến học sinh yếu, nâng cao nhận thức đối với học sinh khá, giỏi.

- Tạo môi trường cho trẻ hoạt động phù hợp với chủ đề nhằm kích thích trẻ tìm tòi khám phá.

-Tổ chức tốt các hội thi của trẻ, của giáo viên và phụ huynh học sinh, đánh giá công bằng khách quan, khen thưởng kịp thời những cháu có thành tích cao. Qua đó gắn kết trách nhiệm giữa gia đình và nhà trường.

-Tuyên truyền tới phụ huynh sử dụng nguồn hỗ trợ chi phí học tập đúng mục đích 100% sử dụng tài khoản không thanh toán bằng tiền mặt, đảm bảo học sinh có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo thông tư 02/2010 của BGD&ĐT. Sử dụng triệt để có hiệu quả trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, phòng máy vi tính, phòng hoạt động âm nhạc.

-Phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình thông qua vở tập tô, làm quen với toán, sổ sức khỏe... Để nâng cao chất lượng dạy và học.

- Làm tốt công tác khen thưởng đối với học sinh giỏi, động viên kịp thời với những trẻ yếu để kích thích trẻ tham gia hoạt động.

Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN mới trong các năm học tiếp theo đặc biệt là điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.

D. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC:

I. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ kể chuyện...

II. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/ trả trẻ

III. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC - NHÓM TUỔI 24 - 36 THÁNG

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..	1-10
2	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi trong đường hẹp	1
		- Đi theo hiệu lệnh,	2
		- Đi có mang vật trên tay.	5
		- Chạy theo hướng thẳng; - Đi bước vào các ô	9
		- Đi theo đường ngoằn ngoèo	7
		- Đi kết hợp với chạy	6
		- Đi bước qua gậy kê cao (5cm)	8
		- Chạy đổi hướng	10
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m.	- Đứng co 1 chân	4
		- Tung-bắt bóng cùng cô	9
		- Tung bóng bằng 2 tay	3; 7
		- Tung bóng qua dây	6
		- Ném bóng vào đích xa 1-1,2 m	5
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Ném bóng về phía trước	1; 4
		- Bò thẳng hướng có vật trên lưng	4
		- Bò thẳng hướng theo đường hẹp	2
		- Bò chui qua cổng	3; 10
		- Bò, Trườn qua vật cản	5
		- Bò theo đường ngoằn ngoèo	6
		- Trườn về phía trước	1
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném	- Bò, Trườn chui qua cổng	8
		- Ném xa bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	8; 10
		- Bật tại chỗ	2

	xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Bật qua vạch kẻ	3
		- Bật qua các vòng	5
		- Bật xa bằng 2 chân	7
		- Nhún bật về phía trước	4
		- Bật qua vạch kẻ- chạy theo hướng thẳng	6
		- Bò chui qua cổng – Tung bóng bằng 2 tay	8
		- Ngồi, lăn bóng bằng 2 tay	7
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo".	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	1-10
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tô chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	1,2
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa	1,2
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.	1,2
11	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	3-10
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ	3,9,10
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm,	4,9

	nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở - Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở + <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt.</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt.</i> + <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy</i>	những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - <i>Nhận biết bếp ga, bếp củi, bếp điện....</i> - <i>Tránh xa khu vực bếp đun, Không trú mưa gần cột điện, không chơi với bật lửa, diêm.....</i> - <i>Nhận biết keng, còi báo cháy.</i>	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh .	7,8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	- Trẻ biết Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua)	1-10
16	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	2,4
17	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1,3,4
18	- Trẻ có thể nói được tên và một vài chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	3
19	- Trẻ biết nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	4,5,6,7,8

20	- Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp	1,2,6,7,10
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Vị trí trong không gian (Trên-dưới; Trước- sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một – nhiều. - Kích thước to - nhỏ.	5,6,7,8,10
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
22	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1,2,3,9,10
23	-Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì ?”; “...thế nào ?”(VD: Con gà gáy thế nào?...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “ Làm gì ?”; “Để làm gì?”; “ ở đâu?”; “ Như thế nào?”.	1,2,3
24	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Trả lời câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	1-10
25	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.	1-9
26	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	1-10
27	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	2,3,4,5,7,8,9,10
28	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:. - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	2-10
29	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3-10
30	- Trẻ thích xem tranh ảnh...có thể	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	1-10

	<i>biết lật mở từng trang khi “đọc sách”</i>	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Tự lật mở sách khi “đọc sách”	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
31	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	1,3
32	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	2
33	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. <i>mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.</i>	- Giao tiếp với những người xung quanh.	4,6,7,10
34	- Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, <i>thương / yêu,...</i>	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, <i>sợ, thương / yêu,...</i>	3,6,7
35	- Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	5,7
36	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi, <i>chăm sóc các con vật</i>	- Quan tâm đến các vật nuôi.	5
37	- Trẻ biết thực hiện hành vi văn hóa và giao tiếp chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	-Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	2,4
38	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	-Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1-10
39	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	1-10
40	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	3-5
41	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	1-10
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ	-Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình	2-10

	nguyệt lịch ngược).	- Xem tranh.	
--	---------------------	--------------	--

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN	ST T	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/9 - 26/9/ 2025	1	Bé vui đến trường -	- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Các bạn của bé	1 tuần		
			- Bé biết nhiều thứ	1 tuần		
29/9 - 17/10/ 2025	2	Đồ dùng, Đồ chơi của bé- Tết Trung thu	- Bé vui đón tết trung thu	1 tuần		
			- Đồ chơi của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng cá nhân của bé	1 tuần		
20/10 - 07/11/ 2025	3	Cơ thể của bé	- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
			- Những người chăm sóc bé	1 tuần		
10/11 - 5/12/2025	4	Mẹ và những người thân yêu – Ngày hội của cô giáo	- Mẹ của bé	1 tuần		
			- Ngày hội của cô giáo	1 tuần		
			- Những người thân yêu của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng trong gia đình bé	1 tuần		
8/12 /2025 - 2/01/ 2026	5	Những Con vật đáng yêu	- Con vật nuôi trong gia đình (2 chân)	1 tuần		
			- Con vật nuôi trong gia đình (4 chân)	1 tuần		
			- Những con vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Những con vật sống dưới nước	1 tuần		

5/ 01- 30/1/2026	6	Cây và những bông hoa đẹp	- Những bông hoa đẹp	1 tuần		Kết thúc HKI ngày 9/1/2026
			- Quả ngon của bé	1 tuần		Bắt đầu HKII ngày 12/1/202 6
			- Một số loại cây	1 tuần		
			- Bé biết rau gì	1 tuần		
02/02 - 13/02/2026 (Nghỉ tết ND từ 14/02- 22/02/2026) 23/02-6/03	7	Ngày Tết và Mùa xuân	- Mùa xuân với bé	1 tuần		Ngày 23/2/202 6 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Ngày tết với bé	1 tuần		
			- Ngày hội 8/3	1 tuần		
			- Một số loại Hoa	1 tuần		
9/03 - 3/4/ 2026	8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông gì?	- Phương tiện giao thông đường bộ	2 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường sắt, hàng không	1 tuần		
6/04 - 24/04/ 2026	9	Mùa hè đến	- Mùa hè đến rồi	1 tuần		
			- Trang phục mùa hè của bé	1 tuần		
			- Nước cần gì cho bé	1 tuần		
27/04 - 15/05/2026	10	Bé lên Mẫu giáo	- Bé lên Mẫu giáo	1 tuần		
			- Lớp mẫu giáo của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng, đồ chơi của lớp mẫu giáo	1 tuần		

IV. Mục tiêu chương trình giáo dục Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh Nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân, biết coi trọng bản thân.
- Có khả năng nhận biết, thể hiện và kiểm soát cảm xúc của bản thân, kiểm soát hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm với mọi người xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, khiêm tốn, giản dị, trung thực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, chấp nhận, chính kiến của người khác, yêu thương, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

V. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lí nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 -150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

VI. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC KHỐI MẪU GIÁO

I. KHỐI MẪU GIÁO BÉ 3- 4 TUỔI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CD
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1. Phát triển vận động a. Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ + Co duỗi chân.	1- >9
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót	1
		-Đi trong đường hẹp	2
		- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát	7
		- Bật tại chỗ	1
		- Bật về phía trước	3
		- Bật xa 20 - 25 cm	4
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi,Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh; Bò chui qua cổng	3,4,8
		- Đi,Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc	5,6
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: -Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). -Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 1	- Lăn, Đập,Tung bắt bóng với cô.	1,2,7
		- Tung bóng lên cao bằng 2 tay	8
		- Ném xa bằng 1 tay.	3
		- Ném xa bằng 2 tay.	5
		- Ném trúng đích bằng 1 tay. (đích gang)	4

	8cm).	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc	6,9
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng	8
		- Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc	1,2,5,7
		- Bò, trườn chui qua cổng	3,9
		- Trườn về phía trước	4
		- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m)	9
		- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).	6
		- Đi trong đường hẹp – Bò chui qua cổng – Ném xa bằng 1 tay.	5
		- Bật tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	6
		- Bò chui qua cổng – Ném trúng đích ngang - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	7
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Bật xa 20 – 25 cm – Ném xa bằng 1 tay Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	8
		- Bật xa 20-25cm – Ném xa bằng 2 tay- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng	9
		- Tập các cử động của bàn tay, ngón tay: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	1,3
7	Trẻ biết phối hợp và có 1 số kỹ năng trong cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	Phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc.	1->9
* GD Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	1,5,6
9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	3,5

10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	1,2
11	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng.	1,2
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn uống	1,3
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	2,4
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đổi mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm	8,9
15	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. + <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật có thể gây cháy, nổ.</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt.</i> + <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy.(Thông tư số 06/2022/TT – BGDDT – Ngày 11/5/2022)</i>	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3,4,7
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	2,5,8,9
17	Trẻ biết tránh một số hành	- Nhận biết và phòng tránh những hành	1,2,4,6,7

	động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	
II. Lĩnh vực phát triển Nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	8
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	2,7
20	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	8
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Môi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	7,8
22	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây	1,3,5,6,7

		gắn gũi.	
23	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5,6
24	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	2,8
25	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung GD của HĐVC, âm nhạc, tạo hình	4,7,9
b) Làm quen biểu tượng toán sơ đẳng			
26	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều.	1,2,3,9
27	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. Trẻ biết đếm đến 5 bằng tiếng anh (one, two, three, four, five	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4,5,8
28	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3,6
29	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,5,6,8
30	Trẻ biết Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4,5,6,8
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	6,7
32	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6,7

	hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.		
33	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	7
34	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
c) Khám phá xã hội			
35	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
36	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
37	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		
38	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1,3
39	Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	4
40	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, 20/11, 8/3 qua trò chuyện, tranh ảnh	1,3,6,7,9
41	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	9
III. Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ			
42	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	1, 2,4
43	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1,2,4,8
44	Trẻ biết lắng nghe và trả lời	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện	1->9

	được câu hỏi của người đối thoại.	đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	
45	Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	1->5
46	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	6,7
47	Trẻ biết Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	3,7,9
48	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc	6,9
49	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
50	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	5,6
51	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	6,9
52	Trẻ biết sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2,8
53	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5,8
54	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	1,3,9
55	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	4,9
56	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ	7,8,9

		dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	
		- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,3,7
IV. Lĩnh vực phát triển Tình cảm và kỹ năng xã hội			
57	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
58	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2,5,6
59	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Thực hiện thông qua các nội dung GD khác, HĐVC..	3,4,5,9
60	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).	1,3,6
61	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2,3,6,8
62	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	4,7,9
63	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
64	Thể thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		
65	Trẻ có thể thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1,3,5
66	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở, chấp nhận chính kiến của người khác.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	2,3,4,9
67	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt	4,7,8,9
68	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn.	1->7, 9
69	Trẻ thích quan sát cảnh vật	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	4,5,6,8

	thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Quan tâm, đến cảnh đẹp lễ hội của quê hương, đất nước	
70	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, nhận biết thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện, nước.	1,4,7,8
V. Lĩnh vực phát triển Thẩm mỹ			
71	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	3,5,8,9
72	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1,2,4,6
73	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	5->9
74	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9
75	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9
76	Trẻ biết Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	7,8
77	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9
78	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,4,6, 8
79	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3,4,6,7,9
80	Trẻ biết xếp chồng, xếp	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để	1,2,8

	cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	tạo ra sản phẩm đơn giản.	
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	3->9
82	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1,2,3,4
83	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	-Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	1,2,8
84	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3,4,5,6,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN THỰC HIỆN	S T T	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/09-3/10/2025	1	Trường mầm non thân yêu - Tết trung thu	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		
			- Tết trung thu	1 tuần		
6/10-24/10/2025	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/2025	3	Tổ ấm gia đình - Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/2025 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		KTHKI 18 tuần ngày
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		

			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		9/1/2026 Bắt đầu HKII ngày 12/1/2026
19/1/2026 - 13/02/2026 (Nghỉ tết NĐ từ 14/02 - 22/2/2026)	6	Cây cối xung quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây - Một Số loại hoa - Tết và mùa xuân - Một số loại quả	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		Ngày 23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
23/2-20/3/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông - Ngày 8/3	- Một số quy định GT - Ngày 8/3 - PTGT đường bộ - đường sắt - PTGT đường thủy - đường hàng không	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé - Mùa hè kỳ diệu	2 tuần 2 tuần		
20/4-15/05/2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	- Em yêu TP Điện Biên - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	2 tuần 1 tuần 1 tuần		

Ghi chú: Tổng cộng 35 tuần thực học HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. Thời gian còn lại sau ngày 15/5/2026 tổ chức các hoạt động ôn tập, trải nghiệm, tham quan

II. KHỞI MẪU GIÁO NHỞ 4 - 5 TUỔI

a) Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ 4 - 5 tuổi

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CĐ
	I. Lĩnh vực phát triển thể chất		
1	1. Phát triển vận động Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Phát triển vận động - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía	1-9

		trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. ` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	` Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi	2,8,9
		` Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	3,4
		` Bật liên tục về phía trước	1
		` Bật xa 35- 40cm	3
		` Bật nhảy từ trên cao xuống (Cao 30-35 cm)	5
		- Bật tách, khép chân qua 5 ô	4
		- Bật qua vật cản cao 10 -15cm	6
3	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi chạy đổi hướng vận động đúng tín hiệu, vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	` Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc(Đổi hướng) theo vạch chuẩn.	1,6,5, 8
		` Chạy 15m trong khoảng 10 giây	8
		` Chạy chậm 60-80 cm	9
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng ( khoảng cách 3 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). ` Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	` Tung bóng lên cao và bắt bóng	2
		` Tung bắt bóng với người đối diện	4
		` Đập và bắt bóng tại chỗ	3
		` Ném xa bằng 1 tay, 2 tay	1, 6
		` Ném trúng đích bằng 1 tay	5
		` Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân	8,9
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. ` Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) ` Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m	` Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4 m	1
		` Bò đích dắc qua 5 điểm	2
		` Bò chui qua cổng, ống dài 1,2x 0,6m	3,7
		` Trườn theo hướng thẳng	4
		` Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm	5
		` Trèo lên, xuống 5 giống thang	6

	không chệch ra ngoài		
6	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay ` Gập, mở, các ngón tay	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... ` Gập giấy.	1,4,6,7,8
7	Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người, nhà, cây. ` Cắt thành thạo theo đường thẳng. ` Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. ` Biết tết sợi đôi. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày, khâu, luồn, tết sợi đôi.	` Vẽ hình ` Cắt đường thẳng ` Lắp ghép hình. ` Cài, cởi cúc, khâu, luồn, buộc dây, tết sợi đôi.	1,2,3,5,9
2. GD Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	2
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho rán; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn	3
10	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	4, 5,7
11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	` Tập đánh răng, lau mặt. ` Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng, lau mặt. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	1
12	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	1
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều	` Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. ` Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	2

	loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã	` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định.		2,4,8
15	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch + Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ. + Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. + Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. ` Nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3
16	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần		8
17	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... ` Không ăn thức ăn có mùi ôi không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		1,6
18	Trẻ nhận ra một số trường hợp		3,7

	nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p> <p>` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết		
II. Lĩnh vực phát triển Nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
19	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt.	` Chức năng và các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. ` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</p> <p>` So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. ` Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao	2,6,8
20	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng .	thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. ` Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>` So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây hoa quả	1,2,3,5,6,7
21	Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	` Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu</p> <p>` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. ` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	` Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người (Như mưa đá, nắng, nóng, gió Lào, gió lốc, sương rơi..).	2,8
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	` Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p> <p>` Các nguồn nước trong môi trường sống.	1,2,3,5,7,8
24	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</p> <p>` Một số đặc điểm , tính chất của nước ` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và	2,3,5,6,7,8

25	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	cách bảo vệ nguồn nước. ` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây. ` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	5,6,7
26	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		5,6
27	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1, 9
b) Làm quen biểu tượng toán sơ đẳng			
28	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	` Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. ` Đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng anh	1, 4,5,8,9
29	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Trẻ biết đếm từ one,two, three... bằng tiếng anh	` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. ` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	1,3,5,7,8,9
30	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	` Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. ` Đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng anh ` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. ` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	1,3,7,9
31	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	1,3,4,5
32	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		1,3,4,5
33	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự		1,3
34	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	` Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe)	3,7
35	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	` Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. ` So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6
36	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	` Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. ` Đo dung tích bằng một đơn vị đo	6 8
37	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống,	` So sánh sự khác nhau và giống nhau của	7

	khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. ` Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
38	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		4,7
39	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2
40	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	` Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
c) Khám phá xã hội			
41	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	` Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
43	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.		3
44	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. ` Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
45	Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
46	Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1
47	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	4
48	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá	1,3,4,6,7,9
49	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc		9

	điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương .	của quê hương, đất nước như: Tết nguyên đán và mùa xuân, Hầm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng," Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, Lễ hội Hoa Ban".	
III. Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
50	- Trẻ thực hiện được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	- Hiểu và làm theo 2 – 3 yêu cầu	4
51	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: Đồ dùng, thực vật, động vật - Nghe, hiểu nghĩa của các từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	5,6,9
52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	2,3,4
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
53	- Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	8
54	- Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hành động, đặc điểm...	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.	7
55	- Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi	6
56	- Trẻ có thể kể lại sự vật theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	5
57	- Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao	- Nghe, đọc 1 số bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi	1 => 9
58	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe	6
59	- Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch	9
60	- Trẻ sử dụng được các từ/cụm từ như: Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1
61	-Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	8

	được nhắc nhở		
3. Làm quen với việc đọc, viết			
62	- Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	4,5,8
63	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và lật giở từng trang để xem tranh ảnh. Đọc sách theo tranh minh họa (Đọc vẹt)	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách - “Đọc” truyện qua sách, tranh ảnh - Làm quen với cách đọc sách (Hướng đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu) - Phân biệt phần mở đầu và phần kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách - Nhận dạng 1 số chữ cái	6,9
64	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	5,7
65	- Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)	1,7
66	- Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen cách viết Tiếng Việt (Hướng viết từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải) - Tập tô, đồ 1 số nét chữ (Nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải...)	1,2,3,4,5,6,9
IV. Lĩnh vực phát triển Tình cảm và kỹ năng xã hội			
1. Phát triển tình cảm			
Thể hiện ý thức về bản thân, sự tự tin, tự lực			
67	- Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân	2
69	- Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích		1,2,4,5,6,7,8,9
70	-Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)		1,2,3
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
71	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2
72	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, qua các trò chơi, bài hát, qua vận động, vẽ nặn, xếp hình ...	5
73	-Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác	- Kính yêu Bác Hồ	9

	Hồ, Lăng Bác Hồ		
74	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		
75	- Trẻ biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước .	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước như: Lễ hội Hoa ban. Diêm văn hóa Linh Sơn, Khu du lịch Homestay Mường Then.	6,9
2. Phát triển kĩ năng xã hội			
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
76	- Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)	1,3,7
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. Sử dụng lời nói và	3
78	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói	cử chỉ lễ phép - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở		6
80	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	- Chờ đến lượt và hợp tác - Quan tâm, giúp đỡ bạn	4
Quan tâm đến môi trường			
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Phân biệt hành vi: Đúng – sai, tốt – xấu - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	5,6
82	- Trẻ nhận biết được thái độ và hành vi bảo vệ môi trường, không bẻ cành, bứt hoa.		6
83	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	4
84	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Tiết kiệm điện, nước	3,8
V. Lĩnh vực phát triển Thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			2.
85	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	2,5,9
86	- Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ,		2,3,4,5,6

	sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm TH		,7,8,9
87	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca)	1,2,5,9
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
88	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1 => 9
89	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1 => 9
90	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	1,3,4,6,8
91	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, nét xiên, nét ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1 => 9
92	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		6,7,8,9
93	- Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		2,3,4,5,6
94	- Trẻ có thể phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau		4,7
95	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	1 => 9
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)			
96	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	7,8,9

97	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	5,8,9
98	- Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1 => 9
99	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2 = > 9

b) Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề 4-5 tuổi

THỜI GIAN THỰC HIỆN	S T T	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/09-3/10/2025	1	Trường mầm non thân yêu - Tết trung thu	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		
			- Tết trung thu	1 tuần		
6/10-24/10/2025	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/2025	3	Tổ ấm gia đình - Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/2025 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		KTHKI 18 tuần ngày 9/1/2026
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		Bắt đầu HKII ngày 12/1/2026
19/1/2026	6	Cây cối xung	- Một số loại cây	1 tuần		Ngày

13/02/2026 6 (Nghỉ tết NĐ từ 14/02 - 22/2/2026)		quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một Số loại hoa	1 tuần		23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Tết và mùa xuân	1 tuần		
			- Một số loại quả	1 tuần		
23/2- 20/3/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông - Ngày 8/3	- Một số quy định GT	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		
			- PTGT đường bộ - đường sắt	1 tuần		
			- PTG T đường thủy - đường hàng không	1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé	2 tuần		
			- Mùa hè kỳ diệu	2 tuần		
20/4- 15/05/2026 6	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	- Em yêu TP Điện Biên	2 tuần		
			- Bác Hồ	1 tuần		
			- Tết thiếu nhi	1 tuần		

Ghi chú: Tổng cộng 35 tuần thực học HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. Thời gian còn lại sau ngày 15/5/2026 tổ chức các hoạt động ôn tập, trải nghiệm, thăm quan.

III. KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5 - 6 TUỔI

I: MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC	THCD
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a, Phát triển vận động			

1	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	` Hô hấp: hít vào thở ra</p> <p>` Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ` Lưng bụng, lườn:   + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.   + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.   + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.   ` Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1->9
2	* Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m, một đầu kê cao 0,30m). - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật – Nhảy từ trên cao xuống (40 - 50cm) + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m	2,1 7,8 5 9 1 3 4 5 6 6

3	* Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ hướng, đích đặc theo hiệu lệnh	3,4,6,7,9
		+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.	8
		+ Chạy chậm khoảng 100-120m.	9
4	* Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	+ Tung bóng lên cao và bắt.	2
		+ Tung, đập bắt bóng tại chỗ.	1, 3
		+ Đi và đập bắt bóng.	8
		+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	4, 5
		+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.	6,7
		+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	7
		+ Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4 m	8
5	* Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích đặc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m	1
		+ Bò đích đặc qua 7 điểm.	2
		+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.	3
		+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	4
		+ Trèo lên xuống 7 gióng thang.	5
6	* Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uôn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	1 -> 9
7	* Trẻ phối hợp và có kỹ năng trong cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi bàn tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	- Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây. Tắt sợi đôi, ba.	
	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.		
	- Tự cài, cởi cúc, khâu luồn dây giày.		

	cài quai dếp, kéo khóa phectmotuya		
<i>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>			
8	* Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
9	* Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3
10	* Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	5
11	* Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước cho sạch - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	1,2,3,4
12	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		

13	* Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	
14	* Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; Không nhổ bậy ra lớp.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	2, 8
15	* Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn - Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ. - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp	1-9
16	* Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.		

17	* Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		
18	* Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ		
19	* Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		
2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
20	- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh	` Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2

	như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3
		` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,3
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	` So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	1,3
		` Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2,3 dấu hiệu	1,3
		` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại 2,3 dấu hiệu.	7
		` Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả	5,6
		` Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	5,6
		` So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	5,6
		` Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.	5,6
		` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	5,6
		` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây	2,5,6
22	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	5,6
		` Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	8
		` Các nguồn nước trong môi trường sống.	8
23	- Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình,	` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	8

	trò chuyện và thảo luận.	` Một số đặc điểm, tính chất của nước.	8
		` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	8
		` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây	8
		` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	7,8
24	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		
25	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		
26	- Trẻ có khả năng giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
27	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		
28	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình		
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	` Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,6,9
30	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Trẻ biết đếm từ one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten bằng tiếng anh	` Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. Đếm từ 1-10 bằng tiếng anh	
31	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	` Tách một nhóm thành hai nhóm nhỏ bằng cách khác nhau.	
32	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	` Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..)	
33	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm		

	bằng các cách khác nhau.		
34	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		
35	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		
36	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	` Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</li> <li>` So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	7,9
37	- Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.		
38	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	` Tạo ra qui tắc sắp xếp</li> <li>` Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	
39	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	` Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</li> <li>` Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. ` Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,8
40	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	` Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</li> <li>` Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. ` Tạo ra một số hình, hình học bằng các cách khác nhau.	7
41	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	` Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
42	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	` Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</li> <li>` Gọi tên các thứ trong tuần bằng tiếng anh	8
c) Khám phá xã hội			
43	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ	2

		trong gia đình.	
44	- Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	` Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
45	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.		
46	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường ` Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
47	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
48	- Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
49	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như nghề nông, xây dựng	4
50	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. như Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng," Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban".	1,3,4,5,7,9
51	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh di tích lịch sử của quê hương, đất nước		
3. Lĩnh vực Phát triển ngôn ngữ			
52	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	` Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	2
53	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	3,5,6,7
54	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	` Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1,2,4

55	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	` Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. ` Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?" ` Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?"	8
56	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...phù hợp với ngữ cảnh.	` Nghe sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	7
57	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	` Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh. ` Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. ` Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh.	9
58	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	` Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	9
59	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	` Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
60	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	` Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	6
61	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi ` Đóng kịch	3,6
62	- Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	` Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. ` Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	1
63	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		
64	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	` Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	4,6,7

65	- Trẻ biết cách đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. ` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách ` " Đọc" Truyện qua tranh vẽ ` Giữ gìn, bảo vệ sách.	
66	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	` Kể truyện theo đồ vật theo tranh	4,6
67	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	` Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,4,7, 8
68	- Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	` Nhận dạng các chữ cái. ` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1->9
69	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		
4. Lĩnh vực Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
70	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. Trẻ biết coi trọng bản thân.	` Sở thích, khả năng của bản thân.	2,3
71	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.		
72	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	` Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
73	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3
74	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		

75	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	` Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	1
76	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. ` Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	8
77	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2
78	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2
79	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	` Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	3
80	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	` Kính yêu Bác Hồ.	9
81	- Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
82	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp của địa phương di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	` Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp lễ hội của quê hương, đất nước như Lễ hội hoa ban, Điểm văn hóa Linh Sơn, Khu du lịch Homestay Mường Then.	9
83	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	` Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.	1,3,7
84	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	` Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. ` Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	8,9
85	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		
86	- Trẻ biết chờ đến lượt.	` Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	6,7

87	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	` Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	4, 8
88	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		
89	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	` Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	5,6
90	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). Trẻ nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.	` Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	
91	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	` Giữ gìn vệ sinh môi trường.	4,7
92	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	` Tiết kiệm điện, nước.	4
V: Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
93	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	` Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2
94	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình		
95	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện...	` Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). ` Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
96	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	` Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9

97	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	` Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9
98	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	` Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	4,9
99	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	` Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9
100	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
101	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
103	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	` Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9
104	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	9
105	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	9
106	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. ` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1->9
107	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN	S T T	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/09- 3/10/ 2025	1	Trường mầm non thân yêu - Tết trung thu	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		
			- Tết trung thu	1 tuần		
6/10- 24/10/202 5	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/ 2025	3	Tổ ấm gia đình - Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/ 2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/202 5 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		KTHKI 18 tuần ngày 9/1/2026 Bắt đầu HKII ngày 12/1/2026
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		
19/1/2026 - 13/02/202 6 (Nghỉ tết NĐ từ 14/02 - 22/2/2026)	6	Cây cối xung quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây	1 tuần		Ngày 23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Một Số loại hoa	1 tuần		
			- Tết và mùa xuân	1 tuần		
			- Một số loại quả	1 tuần		
23/2- 20/3/2026	7	Phương tiện và	- Một số quy định GT	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		

		quy định giao thông - Ngày 8/3	- PTGT đường bộ - đường sắt	1 tuần		
			- PTGT đường thủy - đường hàng không	1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé	2 tuần		
			- Mùa hè kỳ diệu	2 tuần		
20/4- 15/05/2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường Tiểu học	- Em yêu TP Điện Biên	2 tuần		
			- Bác Hồ	1 tuần		
			- Trường Tiểu học	1 tuần		

Ghi chú: Tổng cộng 35 tuần thực học HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. Thời gian còn lại sau ngày 15/5/2026 tổ chức các hoạt động ôn tập, trải nghiệm, thăm quan

E.CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

* Công tác kiểm tra:

- Nhà trường làm tốt công tác tự kiểm tra đánh giá, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các hoạt động như kiểm tra việc thực hiện qui chế chuyên môn, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, qui chế giao nhận thực phẩm có sự giám sát của PHHS, ban TTND, Hội đồng trường. Phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tăng cường kiểm tra đột xuất.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng, kiểm tra nội bộ của nhà trường theo các văn bản hướng dẫn.

- Tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện quy chế. Kiểm tra đột xuất tổ chức giờ ăn của trẻ, các hoạt động học...

* Quản trị trường học

- Tổ chức quản lý chặt chẽ tài sản của trường: Giao quản lý tài sản cho từng tổ, từng lớp, tổ chức kiểm kê đánh giá 1 học kỳ/ lần, đầu năm, cuối năm, khi nghỉ dài ngày.

- Giám sát, phối hợp tốt việc thực hiện công tác vệ sinh trong nhà trường.

PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Trần Thị Thuý Hằng

Nguyễn Thị Đào Thắm

